

NIỆM PHẬT
MỘT MÔN THÂM NHẬP

Nguyên tác: Pháp sư Huệ Tịnh

Người dịch: Diệu Mỹ

Hiệu đính: Định Huệ

Niệm Phật một môn thâm nhập

【越文淨土系列 教理隨身書】念佛一門深入

Nguyên tác	Pháp sư Huệ Tịnh
Người dịch	Diệu Mỹ
Hiệu đính	Định Huệ
Biên tập	Trung tâm dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang
Nơi xuất bản	Tịnh Độ Tông Văn Giáo Cơ Kim Hội
Địa chỉ	41, Alley 22, Lane 150, Sec.5, Shin-Yi Road, Taipei 11059, Taiwan
Điện thoại	+886-2-27580689
E-mail	amt@plb.tw

Printed in Taiwan in March 2023.

Ấn tống kinh sách miễn phí,
hoan nghênh nhận đọc, hoan nghênh hỗ trợ ấn tống.

— Nơi phiên dịch tại Việt Nam —

Trung tâm dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang
Địa chỉ : Số 116, đường Hòa Bình, phường Hòa Thạnh,
quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, 700 000
Điện thoại: + (84)366652268; +(84) 35782386
E-mail: bpdtnhdown@gmail.com

Lời tựa

Rất nhiều người do cảm nhận sâu sắc đời người là vô thường ngăn ngủi, nhiều đau khổ, lo buồn mà tiến tới học Phật, mong mỗi có thể từ trong Phật pháp, vượt thoát sự trôi lăn trong luân hồi, sinh tử không làm chủ được. Thế nhưng, người học Phật thì nhiều, còn thực sự có thể đạt được thành tựu để an tâm lại khó kiếm được một người, đây là một điều mà chúng ta cần phải suy nghĩ cho kỹ.

Mọi người đều biết, thuốc không đúng bệnh thì bệnh tình khó thuyên giảm, đạo lý cũng như vậy. Hành giả lựa chọn pháp môn nếu trái ngược với căn cơ của mình thì khó tránh khỏi việc ‘Đã tràng se cát’, chỉ lần lữa hết thời gian, thậm chí tâm ý chán nản, thoái thất sơ tâm. Điều này đáng tiếc biết bao!

Đức Phật thuyết pháp có tám vạn bốn nghìn pháp môn, đại khái phân biệt có khó và dễ; nếu xét chúng sinh trong thời mạt pháp phiền não,

ngiệp chương sâu nặng, sinh mạng ngắn ngủi, người trí đều biết phải bỏ khó mà chọn dễ.

Điều này cũng như thân bị bệnh nặng thì chẳng nên trèo non lội suối, lãng phí thời gian tổn hao sức lực, mà nên chọn con đường tắt để đi mau đến, để cầu thầy chữa bệnh. Thế nên, đức Phật dùng lòng đại bi đặc biệt vì chúng ta rộng khai mở pháp môn Tịnh độ, nhiếp thọ tất cả chúng sinh niệm Phật vãng sinh Tịnh độ không còn sót một ai.

Nhưng, người niệm Phật tuy nhiều song có thể khẳng định ‘bình sanh nghiệp thành’ để ngay trong cuộc sống bình thường an tâm niệm Phật thì lại rất ít. Suy xét nguyên nhân của việc này, phần nhiều đều là do lý giải văn kinh không được chính xác, ưu tư vì khó đạt đến ‘nhất tâm bất loạn’, khó biết tiêu chuẩn ‘thiện căn phước đức’ nên lo lắng không an, tình cảnh như thế khiến người gấp sách thờ dài.

Đồng cảm sâu sắc với điều này nên pháp sư Huệ Tịnh bỏ tâm huyết trong mấy năm, đem giáo

pháp Tịnh Độ thuần chánh của đại sư Thiện Đạo bị thất truyền từ cuối đời Đường, Trung Quốc, chỉnh lý, trình bày, biên tập lại thành hàng loạt mục sách, để cho tất cả người học Phật, niệm Phật đều có thể nhân đây mà vén màn mây thấy ánh trăng, cùng được nhiếp thủ trong đại nguyện của đức Phật A-di-đà, cùng sinh về thế giới Cực Lạc, nơi ‘không có các điều khổ chỉ hưởng những điều vui’, vĩnh viễn được Bất thoái chuyển, thành tựu quả Phật.

Mạt học vừa thấy loạt từng thư này, lòng rất vui mừng cho nên chẳng ngại kiến thức nông cạn, phát tâm đem những quyển sách nói về giáo pháp Tịnh Độ thuần chánh, về những vấn đề người mới học Phật còn nghi hoặc và quan tâm, trích dẫn, biên soạn lại thành hai quyển sách nhỏ ‘Niệm Phật nhất định vãng sanh’ và ‘Niệm Phật một môn thâm nhập’. Nguyên cho tất cả người có duyên, dù bận rộn cũng có thể bỏ túi hai quyển sách này, tùy thời để đọc, không bị lệch hướng, xuôi vào cửa Tịnh Độ, nắm được pháp hỷ viên đốn, thù thắng, giản dị, ổn thỏa của pháp môn Tịnh Độ; trong sinh hoạt được an tâm niệm Phật.

Thứ nữa là không phụ lòng từ bi của đức Phật Thích-ca-mâu-ni đã tuyên giảng pháp môn Tịnh Độ, cũng là khế hợp với tay vàng rủ xuống và tiếng kêu gọi tha thiết của đức Phật Di-đà.

Nam-mô A-di-đà Phật!

Cư sĩ Tây Liên

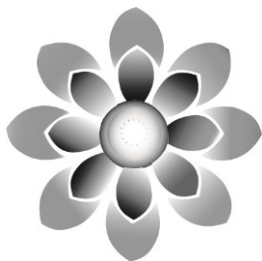
27/07/2008 tại Ottawa, Canada.

MỤC LỤC

Lời tựa.....	5
Phần I. Xưng danh nhập báo độ, chánh nhân Niết-bàn	11
I. Bài kệ ‘Niết-bàn chánh nhân’ của Đại sư Thiện Đạo.....	12
II. Cực Lạc là cảnh giới Niết-bàn vô vi	18
III. ‘Tùy duyên tập thiện’ không thể vãng sanh	19
IV. Khuyến chuyên niệm danh hiệu được vãng sanh.....	21
V. ‘Chuyên càng chuyên’ có ba tầng ý nghĩa	22
VI. Xưng danh niệm Phật là bản hoài của Phật A-di-đà, là chánh nhân vãng sanh.....	27
Phần II. Năm chánh hạnh và năm tập hạnh	29
I. ‘Tịnh Độ môn’ và ‘Thánh Đạo môn’	30
II. Học Thánh Đạo môn là nhờ vào tự lực đầy đủ giới định huệ được thành Phật.....	32
III. Học Tịnh Độ môn là nương vào tha lực, vãng sanh Tịnh Độ để thành Phật	36
IV. Sự cứu độ của Phật A-di-đà là pháp môn thuần tha lực.....	39
V. ‘Thuần tha lực’ và ‘tự tha nhị lực’	42

VI. ‘Yếu môn’ và ‘Hoảng nguyện môn’	45
VII. Đại nguyện, đại nghiệp, đại lực.....	49
VIII. Năm loại chánh hạnh.....	51
IX. Năm loại tạp hạnh.....	55
X. Sự được, mất giữa hai hạnh	57
XI. Ba tầng tuyển chọn	59
Phần III. Tam tâm gồm thấu về thâm tâm	65
I. Tam tâm gồm thấu về thâm tâm	66
II. Chí thành tâm– tâm bên trong và bên ngoài phải thống nhất nhau	66
III. Thâm tâm–tâm tin tưởng sâu sắc	68
IV. Hồi hướng phát nguyện tâm – tâm tự nhiên về nhà.....	71
V. Công năng của danh hiệu, phá nghi mãn nguyện	73
VI. Vì sao xưng danh không được mãn nguyện.....	78
VII. Tín tâm và xưng danh thống nhất với nhau.....	83
PHẦN PHỤ	87
Mười điều tâm niệm của người niệm Phật	88

Phần I.
Xưng danh nhập báo độ,
chánh nhân Niết-bàn



I. Bài kệ ‘Niết-bàn chánh nhân’ của Đại sư Thiện Đạo

Pháp Sư Tán của Đại sư Thiện Đạo dùng hình thức kệ tán để giải thích ý nghĩa trọng yếu của *kinh A-di-đà*, trong đó có bốn câu vô cùng nổi tiếng, cũng là để giải thích đoạn kinh nói về chánh nhân vãng sanh ‘ít thiện căn thì chẳng được vãng sanh, chấp trì danh hiệu nhất tâm bất loạn thì được vãng sanh’ trong *kinh A-di-đà* (*Thiện Đạo Đại sư toàn tập*, tr. 437) :

*Cực Lạc là Niết-bàn vô vi
Tùy duyên tạp thiện, khó vãng sanh;
Vì thế Như Lai chọn pháp yếu,
Dạy niệm Di-đà chuyên càng chuyên.*

1. Niết-bàn Báo độ

‘Cực Lạc vô vi, Niết-bàn giới’, Đại sư Thiện Đạo phán định thế giới Cực Lạc là cảnh giới Báo độ, cảnh giới Niết-bàn. ‘Vi’ là tạo tác, ‘Vô vi’ là xa

rời sự tạo tác của con người, là sự triển hiện tự nhiên của tánh công đức. Tất cả sự tạo tác, đều là hữu vi, không phải vô vi. Thí như chúng ta xây một tòa lầu, nó là pháp hữu vi, tương lai sẽ bị diệt; chúng ta xây một ngôi tự viện, tự viện này rồi cũng hư hao hoang phế theo thời gian, vì chúng đều là pháp hữu vi.

Chỉ có Phật tánh là vô vi, thế giới Cực Lạc là vô vi, là cảnh giới Niết-bàn. Niết-bàn thì bất sanh bất diệt, không suy không biến, pháp thường trụ như thế. Tất nhiên, việc này hơi khó lý giải, vì đây là cảnh giới của cõi nước Phật, vô cùng cao siêu mầu nhiệm, là cảnh giới mà nơi đó Phật tánh hoàn toàn triển hiện.

2. Tọa thiền chẳng sanh

Cảnh giới của cõi Phật cao siêu mầu nhiệm như vậy, nên Đại sư nói ‘tùy duyên tọa thiền khó vắng sanh’ là để giải thích câu ‘bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức nhân duyên đắc sanh bỉ quốc’. Ngài dùng bốn chữ ‘tùy duyên tọa thiền’ để nói ‘thiếu thiện căn phước đức nhân duyên’—

(chẳng thể dùng chút ít thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh về nước kia).

‘Tùy duyên tạp thiện’ là gì? Tùy duyên là không chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà mà tùy theo hứng thú, sở thích, hoàn cảnh của mình, gặp cái này học cái này, gặp cái kia học cái kia; tạp là pháp này cũng tu, pháp kia cũng tu, mà các pháp tu đều là pháp thiện, nên gọi là ‘thiện’. Dùng sự tùy duyên tạp thiện của phàm phu chúng ta (Đại sư Đàm Loan gọi đó là ‘công đức không thật’), mà muốn vãng sanh về cõi Niết-bàn thì không thể nào! Vì thế, Đại sư nói ‘khó vãng sanh’, e rằng các người không thể vãng sanh!

Đại sư Thiện Đạo giảng rất uyển chuyển, ý của ngài là muốn chúng ta bỏ hẳn sự tùy duyên tạp thiện, mà chỉ nên chuyên tu niệm Phật.

3. Chuyên niệm ắt sanh

Hai câu kế tiếp nói ‘*Vì thế Như Lai chọn pháp yếu, dạy niệm Di-đà chuyên càng chuyên*’.

‘Vì thế Như Lai chọn pháp yếu’ tức là trong *kinh A-di-đà* nói đến ‘văn thuyết A-di-đà Phật’. Chúng ta nghe Phật Thích-ca-mâu-ni giảng nói danh hiệu Phật A-di-đà, đây là pháp trọng yếu mà Ngài đã chọn cho chúng ta. Tùy duyên tạp thiện thì khó có thể vãng sanh, Đức Thế Tôn khuyên chúng ta nên vãng sanh, nhưng phải nhớ rằng chúng ta giới lắm cũng chỉ có thể tu chút tùy duyên tạp thiện, nếu không thể vãng sanh, thì phải làm sao đây? Khi Thích-ca-mâu-ni Như Lai khuyên chúng ta vãng sanh, thì Ngài đã tuyển chọn một phương pháp vãng sanh cho chúng ta rồi. Vì được Phật Thích-ca-mâu-ni tuyển chọn, nên pháp môn Tịnh Độ của chúng ta có một vị thầy rất cao minh, đó là Phật Thích-ca, Ngài đã đích thân chọn cho chúng ta, chọn một cách chuẩn xác, vững vàng, không phức tạp, rất an lạc; không thể nào Đức Phật lại chọn cho chúng ta một cách sai sót, mập mờ. Phương pháp mà Phật Thích-ca-mâu-ni đã chọn cho chúng ta, mọi người đều có thể làm được, lại là pháp thù thắng, là pháp hạng nhất, không phải là pháp hạng hai, hạng ba. ‘Pháp yếu’ mà Đức Phật đã chọn cho chúng sanh

trong đời ác ngũ trước là pháp môn gì? ‘Dạy niệm Di-đà chuyên càng chuyên’, tức là ‘chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật... nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn’, Đức Phật Thích-ca dạy chúng ta niệm Phật A-di-đà, nếu đã chuyên, còn phải chuyên hơn, một chữ ‘chuyên’ chưa đủ để diễn tả tấm lòng từ bi tha thiết của Phật Thích-ca-mâu-ni đối với chúng ta.

- Chúng sanh trong đời ác ngũ trước, các con phải chuyên niệm Phật nhen!

- Dạ bạch Phật! Chúng con hứa sẽ chuyên niệm Phật.

- Chuyên rồi, còn phải chuyên hơn nữa đó!

Một mực chuyên đến cùng, tâm chuyên, hành cũng chuyên, hôm nay chuyên, ngày mai cũng chuyên; ở trong chùa chuyên, ra khỏi chùa cũng phải chuyên, gọi là ‘chuyên càng chuyên’.

Nói chung, đoạn kệ tán này nói lên hai việc: ‘Tùy duyên tạp thiện’ là ‘thiếu thiện căn phước đức nhân duyên’, không thể vãng sanh; nếu xứng

niệm danh hiệu Phật A-di-đà chuyên lại càng chuyên, thì chắc chắn được vãng sanh, pháp môn này là Đức Phật Thích-ca-mâu-ni đã chọn sẵn cho chúng ta, đây chính là đa thiện căn phước đức.

*(A-di-đà kinh hạch tâm giảng ký
của Pháp sư Tịnh Tông giảng thuật, tr. 79-83)*

II. Cực Lạc là cảnh giới Niết-bàn vô vi

Đại sư Thiện Đạo giải thích: “Cảnh giới Tịnh Độ Cực Lạc là cảnh giới Niết-bàn vô vi”.

‘Vô vi’ là xa rời sự tạo tác của con người. ‘Niết-bàn’, Niết là bất sanh, Bàn là bất diệt, bất sanh bất diệt cũng có nghĩa là vô vi. Có tạo tác thì có sanh diệt, có sanh diệt thì không phải chân lý, vì Niết-bàn là bất sanh bất diệt nên gọi là chân lý. Nếu có một món đồ vật tồn tại trên thế gian, thì món đồ này nhất định là do nhân duyên hòa hợp mà thành. Còn Niết-bàn thì lìa khỏi sự tính toán, đo đạc, đong đếm của loài người chúng ta, cảnh giới Niết-bàn này là cảnh giới bất khả tư, bất khả nghị, bất khả xưng, bất khả thuyết.

(“Đại ý kinh A-di-đà”
trong *Tịnh Độ tam kinh nhất luận đại ý*, tr. 146-147)

III. ‘Tùy duyên tạp thiện’ không thể vãng sanh

Chúng ta muốn vãng sanh về cảnh giới bất khả tư nghị, bất khả xưng và bất khả thuyết này, nếu y theo sự tu hành của chính mình, thì làm sao có thể vãng sanh về cõi đó được? Vì nhân và quả không phù hợp nhau. Nếu như sự tu hành và công đức của chúng ta không phải Tam luân thể không¹ thì tất cả toàn là phước đức hữu lậu. Đại sư Thiệu Đạo giải thích dạng này là ‘thiện tạp độc, hạnh giả dối’, không thể nói là chân thật được. Vậy thì, sự chân thật nằm ở đâu? Chân thật chính là sáu chữ ‘Nam-mô A-di-đà Phật’.

*Cực Lạc là Niết-bàn vô vi,
Tùy duyên tạp thiện, khó vãng sanh;*

¹ **Tam luân thể không:** Khi bố thí, có thể đạt được người bố thí, người thọ thí và vật bố thí đều không, để phá tướng chấp trước.

Tùy duyên là gì? Mỗi người tùy theo duyên phận của chính mình gọi là tùy duyên. Thí như người gần gũi Mật tông, lấy công đức học Mật giáo để hồi hướng vãng sanh; người học Thiên thì lấy cảnh giới thiên hồi hướng vãng sanh; người theo Thiên Thai, dùng nhất tâm tam quán hồi hướng vãng sanh; người theo Hoa Nghiêm, dùng Nhất niệm thập pháp giới quán hồi hướng vãng sanh; người học Duy Thức, dùng ngũ trùng duy thức quán để hồi hướng vãng sanh. Tất cả các pháp mà mỗi người đã theo học ở các tông phái đều là ‘tạp’, vì mỗi một tông phái đều không giống nhau nên gọi là ‘tạp’, gọi là ‘tùy duyên tạp thiện’.

Đại sư Thiện Đạo nói, muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc Niết-bàn, ‘tùy duyên tạp thiện e rằng khó vãng sanh’, ‘e rằng’ nghĩa là không thể nào, không thể nào vãng sanh, vì nhân và quả không phù hợp nhau.

(“Đại ý kinh A-di-đà”
trong *Tịnh Độ tam kinh nhất luận đại ý*, tr. 147-148)

IV. Khuyên chuyên niệm danh hiệu được vãng sanh

Vậy thì, phải làm thế nào để được vãng sanh đây?

‘Vì thế Như Lai chọn pháp yếu’: Đức Phật Thích-ca đã khai thị trong *kinh A-di-đà*, pháp căn bản nhất để vãng sanh thế giới Cực Lạc gọi là ‘pháp yếu’ (pháp quan trọng), đó là ‘văn thuyết A-di-đà Phật, chấp trì danh hiệu’, cũng là ‘Vì thế Như Lai chọn pháp yếu, dạy niệm Di-đà chuyên càng chuyên’. Phật Thích-ca-mâu-ni khuyên dạy chúng ta phải chuyên xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà. ‘Chuyên’ tức là nhất tâm, chuyên càng chuyên là chuyên lại càng chuyên hơn nữa.

(“Đại ý kinh A-di-đà”
trong *Tịnh Độ tam kinh nhất luận đại ý*, tr. 148)

V. ‘Chuyên càng chuyên’ có ba tầng ý nghĩa

‘Chuyên càng chuyên’ có ba tầng ý nghĩa:

Nghĩa thứ nhất là ân cần, tức là, vì việc này vô cùng quan trọng, e rằng chúng ta quên mất, e rằng chúng ta không hiểu tường tận, nên Ngài dặn đi dặn lại nhiều lần, một lần chưa đủ, còn phải lần thứ hai, lần thứ hai chưa đủ còn phải lần thứ ba, cho thấy việc này vô cùng quan trọng.

Nghĩa thứ hai, chữ ‘chuyên’ ở phía trước, chỉ bày cho chúng ta phải xả bỏ năm loại tạp hạnh, chuyên tu năm loại chánh hạnh, vậy mới gọi là chuyên. Chữ ‘chuyên’ của ‘càng chuyên’ ở phía sau, nghĩa là trong năm loại chánh hạnh, Ngài muốn chúng ta chuyên tâm nương theo chánh định nghiệp, chuyên xưng danh của Phật. Bốn loại trợ nghiệp khác khai triển ra là để chúng ta nương theo chánh định nghiệp. Mục đích khai triển bốn loại trợ nghiệp này, là vì ngài muốn cho chúng ta

thể ngộ được nhất hướng chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Nếu chúng ta đã thể ngộ được cần phải nhất hướng chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà, thì chẳng phải bốn loại trợ nghiệp này đều hòa vào trong câu xưng niệm danh hiệu hay sao? Cho nên, chữ 'chuyên' cuối cùng, tức là gác lại bốn trợ nghiệp, chỉ nương theo chánh định nghiệp xưng danh mà thôi.

Bốn loại trợ nghiệp đã hòa vào trong chánh định nghiệp là thế nào? Chúng ta thường hay qui định mình cần phải tụng bao nhiêu bộ kinh, phải tĩn tọa quán tưởng thế giới Cực Lạc, đồng thời phải lễ bao nhiêu lạy, còn phải tán thán, cúng dường... nhưng giờ đây chúng ta đã biết rồi, ối chà! Thì ra chỉ cần xưng danh hiệu sáu chữ, thì đã phù hợp với bản nguyện của Phật A-di-đà, đã là chánh nhân để vãng sanh rồi, chẳng thiếu gì nữa cả. Cho dù chúng ta tụng kinh, đương nhiên phải chuyên nương theo ba bộ kinh Tịnh Độ, mà 'ba bộ kinh Tịnh Độ' này nói về điều gì? Nói về 'cho đến mười niệm' trong nguyện thứ 18 của Phật A-di-đà, vậy thì sau khi chúng ta y giáo phụng hành, há chẳng phải nên thực hành 'cho đến mười

niệm’—tức là nhất tâm xưng danh hay sao? Vì thế, lúc tụng kinh cũng là nhắc ta: "Niệm Phật thôi!" nên liền nhớ niệm Phật. Quán tưởng, lễ bái, tán thán cúng dường đều cũng vậy, niệm Phật thôi! Vì tất cả đều hòa vào trong một câu danh hiệu này rồi. Vì thế ‘chuyên càng chuyên’ nghĩa là phải xả bỏ tạp hạnh quay về chánh hạnh, gác lại trợ nghiệp mà chuyên tu chánh định nghiệp.

Nghĩa thứ ba, chữ ‘chuyên’ phía trước là chuyên một hạnh xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật; chữ ‘chuyên’ phía sau là chuyên một dạ, một dạ không hai lòng. Đó là có lòng tin không nghi ngờ. Xưng niệm câu danh hiệu này, bất luận chúng ta trên đến suốt cả cuộc đời xưng danh, dưới đến mười câu, năm câu, một câu, một niệm xưng danh, tuyệt đối đều được vãng sanh thế giới Cực Lạc, lòng tin này gọi là ‘chuyên càng chuyên’.

Vì thế, ba tầng ý nghĩa này có nghĩa là nhất hạnh nhất tâm. Chữ ‘chuyên’ phía trước, là tin nhận không nghi ngờ về sự cứu độ của Phật A-di-đà, trong tâm lãnh thọ sự cứu độ của Ngài, sau đó thì như Đại sư Thiện Đạo đã nói: ‘Nhất

hướng chuyên xưng danh hiệu Phật A-di-đà’, cuối cùng chỉ chuyên một hạnh xưng danh này. Nếu cuối cùng đã chuyên một hạnh này rồi, thì thậm chí còn vượt hơn những điều đã nói ở trên như tín, nghi, mê, ngộ, tự lực, tha lực, chúng ta đều chẳng quan tâm đến nữa, mà trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, mỗi khi mở miệng là: Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô A-di-đà Phật... Tín, nghi, tự lực, tha lực đã nói lúc trước, đều là nói cho người sơ cơ mới nhập môn ở giai đoạn ban đầu, bây giờ thì trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ đều xưng niệm một câu danh hiệu, tín nguyện hạnh v.v..., đều có đầy đủ trong sáu chữ danh hiệu này rồi.

‘Chuyên càng chuyên’ có ý nghĩa thâm diệu như thế, và đây chính là ý nghĩa chân thật của câu ‘nhất tâm bất loạn’.

Đại sư Thiện Đạo là hóa thân của Phật A-di-đà, nên khi ngài khai thị pháp môn niệm Phật này thì đều mang ý nghĩa trùng trùng vô tận.

Đại sư giải thích: “Văn thuyết A-di-đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhất nhật, thất nhật, nhất tâm

bất loạn”, điều này phù hợp với nội dung ý nghĩa của nguyên thứ 18.

(“Đại ý kinh A-di-đà”
trong *Tịnh Độ tam kinh nhất luận đại ý*, tr. 149-152)

VI. Xưng danh niệm Phật là bản hoài của Phật A-di-đà, là chánh nhân vãng sanh

Đại sư Thiện Đạo giải thích: “Bốn mươi tám nguyện rộng lớn có nhiều môn, chỉ riêng niệm Phật là gần gũi hơn hết” (Hoằng thệ đa môn tứ thập bát, thiên tiêu niệm Phật tối vi thân).

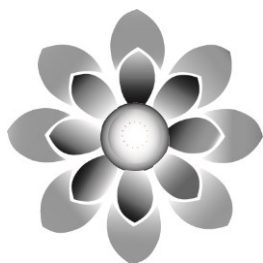
Ý nói là: bốn mươi tám nguyện rộng lớn mà Phật A-di-đà đã phát ra, trong đó chỉ có nguyện thứ mười tám là gần gũi nhất với bản thân Ngài. Nguyện thứ mười tám nói rằng: “Chí tâm tin ưa, muốn sanh về nước Tòì, cho đến mười niệm”. Niệm Phật cho đến mười niệm là nguyện thứ mười tám, gần gũi nhất với Phật A-di-đà, là bản hoài của Ngài, là chánh nhân để chúng sanh vãng sanh về thế giới Cực Lạc, cho nên nói ‘chỉ riêng niệm Phật là gần gũi nhất’. Ngay trong bốn mươi tám nguyện, chỉ có nguyện thứ mười tám là nêu lên niệm Phật, còn bốn mươi bảy nguyện kia không hề đề cập đến niệm Phật ‘cho đến mười niệm’.

Đại sư Thiện Đạo lại nói: “Chỉ có niệm Phật được ánh sáng Phật nhiếp hộ, nên biết bản nguyện mạnh vô cùng” (duy hữu niệm Phật môn quang nhiếp, đương tri bản nguyện tối vi cường)—Chỉ có những chúng sanh nào xưng danh niệm Phật, mới nhận được ánh sáng từ bi của Phật A-di-đà nhiếp hộ, nếu không xưng danh niệm Phật thì không có, nên nói ‘chỉ có niệm Phật’. Tại sao ‘chỉ có niệm Phật mới được nhiếp hộ’ vậy? Vì bản nguyện Phật là mạnh hơn hết. Niệm Phật là nguyện thứ mười tám, niệm Phật bản nguyện là duyên lớn nhất và mạnh nhất.

Những điều vừa nói trên là điểm thứ hai của đại ý kinh A-di-đà, đó là phương pháp vãng sanh.

(“Đại ý kinh A-di-đà”
trong *Tịnh Độ tam kinh nhất luận đại ý*, tr. 152-153)

Phần II.
Năm chánh hạnh và năm tập hạnh



I. ‘Tịnh Độ môn’ và ‘Thánh Đạo môn’

Người muốn giải thoát sanh tử luân hồi, thì cần phải học Phật và tu hành thì mới có thể được. Tám tông phái trong đạo Phật có thể chia làm hai pháp môn chính là Tịnh Độ môn và Thánh Đạo môn. Tịnh Độ môn là niệm Phật vãng sanh về thế giới Cực Lạc, mãi mãi xa lìa lục đạo luân hồi, ở cõi Tịnh Độ trực tiếp thành Phật, sau khi thành Phật rồi, quay thuyền từ trở về thế giới Ta-bà, cho đến các thế giới trong mười phương, phân thân trăm nghìn ức, rộng độ chúng sanh, pháp môn này gọi là pháp môn Tịnh Độ.

Ngoài pháp môn Tịnh Độ ra, các tông phái khác như tông Thiên Thai, tông Tam Luận, tông Hoa Nghiêm, Thiền tông, Mật tông, Luật tông đều thuộc về Thánh Đạo môn. Thánh Đạo môn nghĩa là nhờ vào sức tu hành của chính mình ở thế giới Ta-bà, đời này chưa thành, đời sau tái lai, đời sau không thành, đời sau nữa tái lai, đó gọi là

Thánh Đạo môn. Phương pháp phán định này là phán định theo giáo lý của Tịnh Độ môn.

Chúng ta học Phật là muốn giải quyết đại sự này, muốn đạt được mục đích này. Vấn đề kế tiếp là nên chọn Thánh Đạo môn hay Tịnh Độ môn? Chúng ta cần phải xem xét kỹ càng căn cơ của chính mình. Học theo Thánh Đạo môn hay học theo Tịnh Độ môn mới có thể đạt được mục đích? Nếu chúng ta thực sự xem xét kỹ căn cơ của chính mình, thì sẽ phát hiện ra mình không đủ tư cách để học Thánh Đạo môn. Đã không đủ sức để học, mà đi theo Thánh Đạo môn thì chúng ta còn phải tiếp tục luân hồi thêm nữa.

(Huệ Tịnh pháp sư giảng diễn-tập 1,
tr. 165-166)

II. Học Thánh Đạo môn là nhờ vào tự lực đầy đủ giới định huệ được thành Phật

Vì Thánh Đạo môn là quá trình nhờ vào sức lực của chính mình mà tu ‘giới định huệ’. ‘Giới’ là ‘ngũ giới’ thông thường hay nói, hoặc ‘tại gia Bồ-tát giới’; người xuất gia thì có ‘tỳ-kheo giới’, ‘tỳ-kheo ni giới’, hoặc ‘xuất gia Bồ-tát giới’.

Chỉ nói riêng về ngũ giới: Trong cuộc sống hàng ngày mà chúng ta có thể giữ được trọn vẹn không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, thì cũng chẳng dễ dàng gì. Ví dụ như giới không vọng ngữ, trong lòng chúng ta biết rõ là phải chân thành thanh tịnh, lời nói đi đôi với việc làm, tâm và miệng nhất như, vọng ngữ là phạm giới, nhưng vẫn hay nói vọng ngữ, nhất là người buôn bán làm ăn, trong suốt cuộc đời của họ hầu như mỗi ngày đều vọng ngữ, vì họ cần làm ăn buôn bán, không thể không vọng ngữ. Ngay cả giới không trộm cắp,

tức là không lấy những đồ vật không nên lấy, thậm chí vượt ngoài việc tiêu dùng của mình, cũng tính là trộm cắp; trong công ty sử dụng con tem, bao thư, giấy viết thư, cũng tính là trộm cắp; đồ vật công cộng hoặc của người khác, nhỏ như cây kim sợi chỉ, lớn như tiền bạc, tự ý lấy đi, cũng tính trong phạm vi trộm cắp. Chúng ta dùng chiếc gương ngũ giới để soi lại lời nói và hành vi của mình, thì sẽ thấy rằng chúng ta rất dễ phạm giới. Cũng như giới không sát sanh, có trực tiếp, gián tiếp cho đến thấy giết vui theo. Chúng ta không ăn chay, thì cho dù không sát sanh nhưng cũng mắc phải tội gián tiếp sát sanh, vì chúng ta ăn thịt, cho nên người ta mới giết súc vật lấy thịt để bán, vì chúng ta mà họ sát sanh.

Trên đây chỉ nói sơ lược về ‘ngũ giới’ mà đã như vậy rồi, huống hồ chi ‘thập thiện’, cho đến những giới vi tế hơn. *Kinh Địa Tạng* ghi:

**‘Diêm-phù chúng sanh, cử chỉ động niệm,
vô bất thị nghiệp, vô bất thị tội.’**

*Chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề, cử chỉ,
suy nghĩ, đều là nghiệp, đều là tội.*

Nếu như chúng ta cậy tự lực để học Thánh Đạo môn, nhất định phải trì giới, mà trì giới không thanh tịnh là đã kết ác duyên với chúng sanh rồi, đời sau phải trở lại để trả nợ cho dứt cái nhân duyên này. Muốn thoát ly lực đạo luân hồi thì phải giữ giới thanh tịnh, không vướng mắc với chúng sanh, nếu không, phạm giới rồi thì chỉ có một hướng là đọa lạc vào ba đường ác mà thôi.

Nói về ‘định’, tu định thấp nhất phải đạt mức ‘Dục giới định’, tức là tâm mình từng giờ từng khắc làm chủ được, có khả năng giữ gìn thanh tịnh, việc đến xử lý ngay, việc qua rồi không giữ lại vết tích, đối với chúng ta thật chẳng dễ gì làm được. Còn ‘Sắc giới định’, ‘Vô sắc giới định’ của sơ thiên, nhị thiên trở lên, trong số những người học Phật, bất luận xuất gia hay tại gia, rất ít người tu thành tựu.

Gần đây, nổi tiếng nhất là lão Hòa thượng Quảng Khâm và lão Hòa thượng Hư Vân. Hòa

thượng Quảng Khâm không phải là người học Thiền, nhưng ngài đã từng có kinh nghiệm nhập định trong rừng sâu, cuối cùng Hòa thượng Quảng Khâm hiểu ra rằng, cho dù có kinh nghiệm thiền định cũng không thể nào thoát khỏi sanh tử luân hồi, nên lúc về già, ngài cũng chú trọng đến việc niệm Phật, hoằng dương pháp môn Tịnh Độ. Còn Hòa thượng Hư Vân là người học Thiền, có kinh nghiệm nhập định vài lần. Tuy giảng về Thiền, nhưng ngài cũng giảng đạo lý của pháp môn Tịnh Độ, vì ngài hiểu rằng tu thiền không thích hợp với căn cơ của đại chúng.

‘Huệ’ là chỉ cho việc ‘minh tâm kiến tánh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải’. ‘Minh tâm kiến tánh’ là đạt đến cảnh giới khai ngộ, giác ngộ, đã chứng chân lý và Phật tánh, trên thế gian này mấy ai có thể đạt đến? Cho đến ‘thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải’ thì càng khó hơn nhiều.

(Huệ Tịnh pháp sư giảng diễn-tập 1,
tr. 166-169)

III. Học Tịnh Độ môn là nương vào tha lực, vãng sanh Tịnh Độ để thành Phật

Từ những điều nói trên có thể biết, nhờ tự lực tu hành, chỉ khi đầy đủ giới, định, huệ mới có thể liễu thoát sanh tử, đây là Thánh Đạo môn, chúng ta có khả năng tu hay không? Chỉ xét riêng về điểm này thôi, thì có thể hiểu được là chúng ta tu không nổi, học không thành. Ở ngay trước mắt ta là hầm lửa ba đường ác, phải làm sao đây? Còn pháp môn Tịnh Độ thì thế nào? Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn hoàn toàn nương nhờ vào oai lực của Phật A-di-đà, để xa lìa sáu nẻo luân hồi. Như trước đã nói, mục đích của đời người là ở việc học Phật pháp, mà mục đích của việc học Phật là để vượt khỏi sáu đường sanh tử luân hồi, đồng thời tiến thêm một bước để thành Phật. Mục đích này chia làm hai phần ngắn hạn và dài hạn. Việc học Phật cuối cùng là vì mục đích dài hạn, nghĩa là thành Phật, nhưng mục đích ngắn hạn là giải quyết sanh tử luân hồi cần phải hoàn thành trước, nếu không, thân người đều khó được, thì nói gì

đến việc thành Phật? Vì thế, mục đích của việc học Phật, ngắn hạn là phải xa lìa lục đạo luân hồi, đồng thời phát Bồ-đề tâm, hành Bồ-tát đạo, từng bước từng bước một đi về cảnh giới Phật.

Còn Thánh Đạo môn như trên vừa nêu, muốn xa lìa lục đạo luân hồi, cần phải tu tập giới, định, huệ, mức độ thấp nhất là phải chứng được sơ quả Tu-đà-hoàn. Sơ quả Tu-đà-hoàn tuy chưa thể lập tức vượt khỏi sáu nẻo luân hồi, nhưng vị đó sẽ không đọa vào ba đường ác nữa, mà còn có phước báo bảy lần sanh lên trời, bảy lần sanh vào nhân gian, sau thời gian vãng lai bảy lần này, vị đó sẽ đạt đến quả vị A-la-hán, vượt hẳn sanh tử luân hồi. Nếu muốn thành Phật thì cần phải hồi Tiểu hướng Đại, phát Bồ-đề tâm để hành đạo Bồ-tát, những hạnh nan hành năng hành, nan nhẫn năng nhẫn, sau đó từng bậc từng bậc bước lên từ Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, cuối cùng đạt đến Đẳng giác, Diệu giác rồi thành Phật, nhưng khi thực hành thì vô cùng khó khăn, lại phải trải qua khoảng thời gian lâu dài vô cùng.

Bồ-tát Long Thọ từng nói, Thánh Đạo môn thuộc về Nan hành đạo, chỉ cậy vào sức mình, giống như đi bộ trên đất liền, rất gian khổ, hơn nữa thời gian rất dài, vô cùng khó khăn; Tịnh Độ môn là nương nhờ vào sức của Phật A-di-đà, nương vào tha lực, giống như đi tàu thủy, không cần phí nhiều sức lực, một khi đến giờ thì liền tới bờ kia. Nương vào oai lực của Phật A-di-đà được vãng sanh Tịnh Độ, về thế giới Cực Lạc để thành Phật, đó là Tịnh Độ môn. Cậy vào sức mình ở thế giới Ta-bà này, đời đời kiếp kiếp tu hành để liễu thoát sanh tử, vượt khỏi luân hồi cho đến thành Phật, đó là Thánh Đạo môn; chúng ta là người học Phật, cần phải hiểu rõ sự khác nhau giữa hai pháp môn này, để khi học sẽ không bị lẫn lộn mơ hồ.

Tịnh Độ môn là pháp môn hoàn toàn nương nhờ vào tha lực Phật A-di-đà, chỉ cần chúng ta đừng cho rằng, nếu không cần nỗ lực, mà chỉ hoàn toàn nương vào Phật lực thì thiếu chí khí, không nên có quan điểm như vậy. Vì chúng ta biết rằng, ngay cả năm giới mình còn giữ không được trọn vẹn, thì còn nói gì đến có sức hay không có sức? Chính mình bất lực, vô năng, thì phải nương vào

Đức Phật A-di-đà đại từ đại bi (chứ chẳng phải nói nương vào các vị Phật, các vị Bồ-tát, các vị La-hán khác) thì, trong đời này kiếp này có thể xa lìa lục đạo luân hồi, vãng sanh Tịnh Độ thành Phật, sau đó độ khắp chúng sanh trong mười phương.

(Huệ Tịnh pháp sư giảng diễn-tập 1,
tr. 169-171)

IV. Sự cứu độ của Phật A-di-đà là pháp môn thuần tha lực

Phật A-di-đà vì chúng ta mà sáng lập ra thế giới Cực Lạc, trong thế giới Cực Lạc, mỗi một giọt nước, một lá cây, một bông hoa, thậm chí một viên đá quý, đều do Phật A-di-đà làm nên. Vậy thì, thế giới Cực Lạc được xây dựng ra cho ai? Đương nhiên là cho chúng ta, nếu chúng sanh chúng ta không vãng sanh về đó, thì thế giới Cực Lạc chẳng có ý nghĩa gì cả.

Công hạnh cần phải có để vãng sanh về thế giới Cực Lạc là do Phật A-di-đà vì chúng ta mà

thành tựu, vì chúng ta mà viên mãn, Ngài đã trải qua nhiều đời nhiều kiếp tu tập khổ hạnh để có thể hoàn thành bốn mươi tám nguyện cứu độ chúng sanh chúng ta, mà cốt lõi là nguyện thứ mười tám. Việc thành tựu thế giới Cực Lạc và thành tựu thiện căn phước đức nhân duyên, để có thể vãng sanh về thế giới Cực Lạc đều do Đức Phật A-di-đà viên mãn cho chúng ta. Vì thế, có thể vãng sanh về thế giới Cực Lạc là do Phật phát nguyện hồi hướng cho chúng ta, chứ chẳng phải chúng ta phát nguyện hồi hướng cho Ngài.

Nếu như chúng ta phát nguyện hồi hướng cho Phật A-di-đà, mới được vãng sanh, thì việc vãng sanh khó nắm chắc được, và đối tượng cứu độ của Phật cũng rất hạn hẹp, ai dám đảm bảo được công hạnh của hành giả đó đã đạt đủ điều kiện và tư cách vãng sanh.

Thật ra, chỉ cần chúng ta tin nhận sự cứu độ của Đức Phật A-di-đà, nguyện sanh về Tịnh Độ của Ngài, sau đó chuyên xưng danh hiệu Ngài, thì đã được cứu độ, ngay nơi đây đã đầy đủ tư cách để vãng sanh rồi. Chúng ta phải hiểu chữ ‘tin’ này là

vĩnh hằng bất biến, không chút lay động, như kim cương bất hoại, cho dù bệnh khổ ngay trước mắt cũng không thay đổi, lúc lâm chung cũng vững niềm tin kim cương bất biến; chữ tin ở đây khác với việc tin dùng thông thường của thế gian, niềm tin của thế gian có thể thay đổi, nhưng niềm tin của chúng ta đối với Phật A-di-đà là kim cương bất biến, vì đối tượng mà ta tin vào là Phật A-di-đà và thế giới Cực Lạc do Ngài thành tựu. Phải tin như thế này thì mới là niềm tin của tín nguyện hạnh. Phật A-di-đà là Vô lượng thọ, Vô lượng quang, có khả năng cứu độ bất kỳ chúng sanh nào ở bất kỳ thời đại nào, chúng ta không cần tu xen tạp các công hạnh khác mang tính tự lực rồi hồi hướng. Chỉ hoàn toàn thuần túy tiếp nhận sự cứu độ của Đức Phật A-di-đà, là pháp môn ‘thuần tha lực’, nếu chúng ta còn xen tạp ý kiến của mình vào, thì đó là pháp môn Tự tha nhị lực.

(Huệ Tịnh pháp sư giảng diễn-tập 1,
tr. 174-176)

V. ‘Thuần tha lực’ và ‘tha lực xen tự lực’

Bây giờ, nói đến sự khác biệt giữa hai môn này. Ba bộ kinh căn bản của pháp môn Tịnh Độ là *kinh Vô Lượng Thọ*, *kinh Quán Vô Lượng Thọ*, *kinh A-di-đà*. Liên quan đến nội dung và ý nghĩa của việc xen tạp tự lực và thuần túy tha lực, theo Đại sư Thiện Đạo thì sự giải thích của *kinh Quán Vô Lượng Thọ* là chính xác nhất, ở đây sẽ dẫn chứng nội dung *Quán kinh* sơ của Ngài để giải thích.

Quán kinh sơ tổng cộng gồm 4 quyển, ‘phần Huyền nghĩa’ trong quyển 1, trước khi giải thích kinh văn, Đại sư nói về nghĩa lý quan trọng của bộ kinh này, sau đó mới triển khai. Trong ‘phần Huyền nghĩa’ có một đoạn ghi:

Phu nhân Vi-đề-hi tha thiết thỉnh cầu: Nay con ứa muốn vãng sanh về cõi nước An Lạc; cúi xin Đức Như Lai, dạy con tư duy, dạy con chánh thọ.

Phu nhân Vi-đề-hi, là vợ của vua Tần-bà-sa-la nước Ấn Độ thời Phật còn tại thế, thái tử của họ là A-xà-thế vì chiếm đoạt vương vị mà bắt phụ vương và mẫu hậu giam vào ngục tối, phu nhân vô cùng đau khổ, bi thương, bà nghĩ rằng: “Vì sao gia đình ta, thậm chí là hoàng gia, lại xảy ra việc ngỗ nghịch bất đạo như vậy chứ!”. Bà vô cùng đau lòng và quay về hướng mà Đức Phật Thích-ca-mâu-ni đang cư trú, khẩn cầu Ngài đến thuyết pháp cho bà, Đức Phật ứng lời cầu nguyện của bà, dùng thần thông đến ngay chỗ bà bị giam.

Phu nhân bạch với Phật rằng, thế giới Ta-bà này đầy đầy sự đau khổ của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, bà hy vọng kiếp sau sẽ không sanh vào thế giới này nữa, mong Đức Phật chỉ cho bà một thế giới không có sự đau khổ để bà sanh về đó. Đức Phật Thích-ca-mâu-ni liền phóng ánh sáng từ lòng trắng giữa chân mày, chiếu khắp mười phương thế giới, sau đó, Ngài lại thu nhiếp ánh sáng về trên đỉnh đầu, hiển hiện thành một đài quang minh, tất cả các cõi nước trong mười phương thế giới thấy đều hiển hiện trên đài quang minh này. Phu nhân sau khi quan sát và chọn lựa, bà bạch với

Phật rằng, các cõi nước thanh tịnh trong mười phương tuy đều rất tốt đẹp, nhưng con muốn được vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Phật A-di-đà.

Ở đây, điều mà Đại sư Thiện Đạo nói: “Phu nhân Vi-đề-hi tha thiết thỉnh cầu, con nay ư muốn vãng sanh về cõi nước An Lạc, cúi mong Đức Như Lai dạy con tư duy, dạy con chánh thọ” có nghĩa là, con muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc, xin Phật Thích-ca-mâu-ni chỉ dạy cho con quán tưởng như thế nào, mới có thể thấy được các tướng trạng của thế giới Cực Lạc để vãng sanh về nơi đó.

(Huệ Tịnh pháp sư giảng diễn-tập 1,
tr. 176-178)

VI. ‘Yếu môn’ và ‘Hoằng nguyện môn’

Kế đến là:

Ta-bà hóa chủ, nhân vì phu nhân thỉnh cầu, nên rộng mở yếu môn Tịnh Độ; An Lạc năng nhân, làm rõ biệt nghĩa của hoằng nguyện.

Ta-bà hóa chủ là chỉ cho Đức Phật Thích-ca-mâu-ni, nhân vì phu nhân Vi-đề-hi thỉnh cầu nên Ngài khai triển ra ‘yếu môn’ trong pháp môn Tịnh Độ. ‘*An Lạc năng nhân*’ là chỉ cho Đức Phật A-di-đà, Phật A-di-đà làm rõ ràng *biệt nghĩa của hoằng nguyện*. *Biệt nghĩa* là vì nó khác với các giáo lý nhân quả, pháp môn thông thường khác; *hoằng nguyện* chính là nguyện thứ 18, vì để cứu độ chúng sanh trong mười phương, nguyện này vô cùng rộng lớn, nên gọi là *hoằng nguyện*. Từ điểm này cho thấy, vãng sanh thế giới Cực Lạc có hai môn: ‘Yếu môn’ và ‘Hoằng nguyện môn’.

Yếu môn chính là hai môn định và tán trong Quán kinh.

Định là ngưng dứt suy tư để ngưng động tâm lại, tán là bỏ ác để tu thiện.

Hồi hướng hai hạnh này, cầu nguyện vãng sanh.

Yếu môn là gì? Là chỉ cho hai môn ‘Định’ và ‘Tán’. Định là ngưng dứt suy tư để ngưng động tâm lại, cũng tức là mười ba pháp quán đầu trong kinh Quán Vô Lượng Thọ. Muốn thành tựu các pháp quán này, cần phải ngưng dứt vọng tưởng tạp niệm, nên gọi là ‘ngưng dứt suy tư’; để hẳn tâm tập trung vào mười ba pháp quán, nên gọi là ‘ngưng động tâm lại’, đây là pháp môn của ‘Định’.

‘Tán’ là chỉ cho ba pháp quán sau cùng trong mười sáu pháp quán, đó là pháp quán thứ 14, 15, 16. Không giống các pháp quán một đến 13 đòi hỏi dứt suy tư, ngưng động tâm, mà ba pháp quán sau giảng cho người tâm tán loạn, không định, tuy tâm tán loạn, nhưng cũng cần phải bỏ ác, tu thiện.

Hồi hướng hai hạnh này, cầu nguyện vãng sanh, nghĩa là hồi hướng hai môn định và tán, để vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu không tu hai môn này, thì không có công đức để hồi hướng, cũng không thể vãng sanh, nên nó thuộc về yếu môn.

‘Hoằng nguyện môn’ là gì?

*Như trong Đại kinh ghi, Hoằng Nguyện môn là:
Nương vào đại nguyện, đại nghiệp, đại lực
của Phật A-di-đà làm tăng thượng duyên, tất
cả phàm phu thiện ác đều được vãng sanh.*

Đại kinh là chỉ cho kinh Vô Lượng Thọ, đoạn nào trong kinh Vô Lượng Thọ nói đến điểm này? Đó là nguyện thứ 18, vì nguyện thứ 18 vừa mới mở đầu đã ghi: “Nếu Tôi thành Phật, chúng sanh trong mười phương...”. Ý nói, mục đích thành Phật của Tôi là khiến cho chúng sanh trong mười phương thấy đều vãng sanh về thế giới Cực Lạc, cho nên Đại Kinh có ghi: *Tất cả phàm phu thiện ác*, chúng sanh trong mười phương đã bao gồm chúng sanh thiện và ác, vậy chúng sanh trong mười phương là lấy phàm phu làm gốc, không phải chỉ cho thánh nhân. Tất cả phàm phu thiện ác đều có thể vãng sanh về thế giới Cực

Lạc, đó là do nương tựa vào sức đại nguyện, đại nghiệp, đại lực của Phật A-di-đà nên mới có thể vãng sanh. Cái duyên đại nguyện, đại nghiệp, đại lực của Đức Phật A-di-đà như thế, sức mạnh này có thể khiến cho chúng ta siêu phàm nhập thánh, xa rời lục đạo sanh tử luân hồi, đạt đến vãng sanh và thành Phật, cho nên gọi là ‘tăng thượng duyên’, đây là nhắm vào nguyện thứ 18 mà nói.

Từ những điều trên đây, chúng ta có thể thấy rằng pháp môn Tịnh Độ có môn ‘Thuần tha lực’, tức là hoàn toàn nương vào sức Phật; cũng có môn ‘Tự tha nhị lực’ tức là nửa tự lực nửa tha lực.

Tóm lại, Phật pháp chia ra Thánh Đạo môn và Tịnh Độ môn. Trong Tịnh Độ môn có yếu môn và hoằng nguyện môn. Yếu môn gồm Định và Tấn; Định là mười ba pháp quán, Tấn là ba phước chín phẩm, cần phải xem *kinh Quán Vô Lượng Thọ* mới có thể hiểu rõ ba phước chín phẩm, đây là môn ‘Tha lực xen tự lực’, nghĩa là tự lực hồi hướng về cõi Phật A-di-đà, song song với việc để tha lực cứu độ chúng ta, cho nên gọi là môn tự lực trong tha lực.

(Huệ Tịnh pháp sư giảng diễn tập 1, tr. 178-181)

VII. Đại nguyện, đại nghiệp, đại lực

Còn hoằng nguyện môn thì sao? Đó là thuận tụy ‘tha lực hồi hướng’, ‘tha’ là chỉ cho Phật A-di-đà, tức là Phật A-di-đà đem sức mạnh, công đức của Ngài hồi hướng cho chúng ta, để cho chúng ta đương nhiên được hưởng. Vậy Đức Phật A-di-đà hồi hướng cho chúng ta những gì? Như trước đã nói ‘đại hạnh, đại nguyện, đại lực’ cũng chính là ‘đại nguyện’, ‘đại hạnh’, ‘đại lực’ của Phật A-di-đà hồi hướng cho chúng ta.

‘Đại nguyện’, như vừa mới giảng, tức là khi Phật A-di-đà còn làm Bồ-tát Pháp Tạng, vì để cứu độ chúng ta, sau khi trải qua năm kiếp tư duy, cân nhắc, Ngài mới phát ra bốn mươi tám nguyện để cứu độ chúng ta một cách dễ dàng, đây gọi là ‘Bản nguyện’. Bản nguyện này của Phật là vì chúng ta mà phát.

‘Đại nghiệp’, là chỉ cho hành vi lớn, thế nào là hành vi lớn? Tuy là Phật A-di-đà, đã phát nguyện, nhưng nếu chỉ phát nguyện mà thực tế không

thực hiện thì chỉ là nguyện suông mà thôi, không đạt được mục đích. Phật A-di-đà đã trải qua triệu năm nghìn kiếp tu hành vạn hạnh Bồ-tát, là vì chúng ta mà tu.

Có nguyện rồi, có hạnh rồi, sau khi hạnh nguyện viên mãn, thì sẽ phát sanh ‘đại lực’. ‘Đại lực’ chính là sức nhiếp thủ của ánh sáng vô ngại và sức công đức vô vi, vô lậu từ câu danh hiệu của Đức Phật A-di-đà. *Kinh Quán Vô Lượng Thọ* ghi:

*Ánh sáng chiếu khắp mười phương thế giới,
Nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật không bỏ.*

Ánh sáng của Phật A-di-đà là vô lượng, chiếu khắp mười phương thế giới mà không bị trở ngại, ánh sáng này có tác dụng nhiếp thủ cứu độ những chúng sanh niệm Phật. Vì vậy, trong danh hiệu Phật đã có sức nhiếp thủ của ánh sáng vô ngại.

(*Huệ Tịnh pháp sư giảng diễn- tập1, tr. 181-183*)

VIII. Năm loại chánh hạnh

Chánh hạnh có năm loại gọi là ‘năm chánh hạnh’, đó là ‘đọc, quán, lễ, xưng, tán’, tức là:

1. Chánh hạnh đọc tụng. 2. Chánh hạnh quán tưởng. 3. Chánh hạnh lễ bái. 4. Chánh hạnh xưng danh. 5. Chánh hạnh tán thán, cúng dường.

Năm chánh hạnh

1. **Đọc tụng:**
Nhất tâm chuyên đọc tụng
Tịnh Độ tam kinh.
2. **Quán tưởng:**
Nhất tâm chuyên quán tưởng y báo,
chánh báo của Tịnh Độ Phật
A-di-đà.
3. **Lễ bái:**
Nhất tâm chuyên lễ bái Phật A-di-đà.
4. **Xưng danh:**
Nhất tâm chuyên xưng danh hiệu
Phật A-di-đà.
5. **Tán cúng:**
Nhất tâm chuyên tán thán cúng
dường Phật A-di-đà.

Vì sao năm việc này được gọi là ‘chánh hạnh’?
Đại sư nói:

*Chánh hạnh là hành giả chuyên dựa vào
kinh vãng sanh mà hành.*

Nghĩa là năm chánh hạnh này thuần túy dựa vào kinh vãng sanh (Tịnh Độ tam kinh), là hạnh trực tiếp thuần chánh vãng sanh về Tịnh Độ Di-đà.

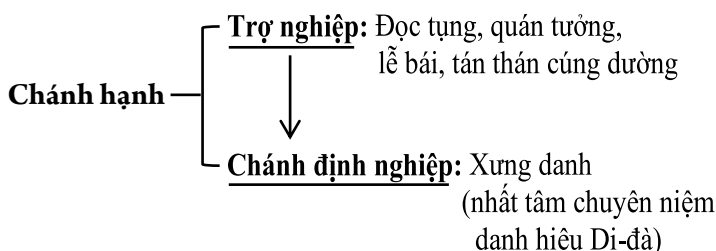
Lại nữa, trong năm chánh hạnh này, lại chia ra hai loại: ‘Chánh nghiệp’ và ‘trợ nghiệp’.

‘Chánh nghiệp’ còn gọi là chánh định nghiệp chính là hạnh thứ tư xưng danh niệm Phật trong năm loại chánh hạnh. Đại sư nói:

*Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Phật
A-di-đà, đi đứng nằm ngồi, bất luận lúc nào,
ở đâu, luôn niệm niệm không quên, đây gọi
là chánh định nghiệp, vì thuận theo bản
nguyện của Phật A-di-đà.*

‘Trợ nghiệp’ tức là bốn loại chánh hạnh còn lại,
Đại sư nói:

*Nếu nương theo lễ bái, tụng niệm v.v... thì gọi
là ‘trợ nghiệp’.*



Vì sao trong năm chánh hạnh, chỉ xưng danh niệm Phật là Chánh định nghiệp? Đại sư giải thích rằng “*Vì thuận theo bản nguyện Phật*”. ‘*Xưng danh niệm Phật chính là hạnh bản nguyện của Phật A-di-đà*’, các hạnh khác chẳng phải hạnh bản nguyện; vì thế, chỉ có xưng danh hiệu Phật chính là nương vào nguyện lực của Phật, chắc chắn được vãng sanh.

Đại sư lại nói:

Trừ hai hạnh chánh định nghiệp và trợ nghiệp ra, các việc thiện khác đều là tạp hạnh.

Cũng tức là ngoài năm loại chánh hạnh này ra, các việc tu hành khác đều gọi là ‘tạp hạnh’.

(*Huệ Tịnh pháp sư giảng diễn-tập 2,*
tr. 397-399)

IX. Năm loại tạp hạnh

‘Tạp hạnh’ có rất nhiều hạnh, như lục độ ba-la-mật mà thông thường các vị Bồ-tát hay tu, và tất cả những hạnh thiện khác. Nếu luận về tạp hạnh thì nhiều vô số, chẳng thể kể hết. Đối nghịch với năm chánh hạnh thì có ‘năm loại tạp hạnh’.

- | | | |
|----------------|---|--|
| Năm tạp hạnh — | { | 1. Đọc tụng tạp hạnh:
Đọc tụng các kinh ngoài Tịnh Độ tam kinh. |
| | | 2. Quán tưởng tạp hạnh:
Quán tưởng y báo, chánh báo ngoài y, chánh báo của Tịnh Độ Phật A-di-đà. |
| | | 3. Lễ bái tạp hạnh:
Lễ bái Phật và Bồ-tát khác ngoài Phật A-di-đà. |
| | | 4. Xưng danh tạp hạnh:
Xưng danh hiệu Phật và Bồ-tát khác ngoài Phật A-di-đà, và các câu chú. |
| | | 5. Tán cúng tạp hạnh:
Tán thán cúng dường Phật và Bồ-tát khác ngoài Phật A-di-đà. |

Ngoài ra, bố thí, trì giới v.v..., cùng với Bồ-đề tâm mà Thánh Đạo môn chú trọng, thấy đều thuộc tập hạnh. Cũng tức là tất cả muôn hạnh thiện ngoài năm loại chánh hạnh này ra, không cần biết là Đại thừa hay Tiểu thừa, vì cầu đời này chứng ngộ, hoặc cầu lợi ích trong hiện đời, mà tu tập thì đều gọi là Tập hạnh.

(*Huệ Tịnh pháp sư giảng diễn-tập 2,*
tr. 399-400)

X. Sự được, mất giữa hai hạnh

Đại sư nêu ra năm chánh hạnh, chỉ rõ phương pháp vãng sanh, ngài muốn cho mọi người từ bỏ tạp hạnh để quay về chánh hạnh, nên nêu ra ‘năm cặp đối nhau’. Vì ‘hành tướng vãng sanh’ đã có ‘hai hạnh chánh và tạp’ rồi, thì ‘sự được mất của hai hạnh’ cũng có năm hạnh đối nhau. Vì thế, Đại sư nói:

*Nếu tu hai hạnh là chánh hạnh và trợ hạnh
thì tâm thường gần gũi, nhớ nghĩ không dứt,
gọi là vô gián;*

*Nếu tu tạp hạnh thì tâm thường gián đoạn,
tuy có thể hồi hướng vãng sanh, đều gọi là
hạnh tạp và xa vậy.*

1. Năm cặp đối nhau

- Năm cặp đối nhau** —
1. Thân đối với Sơ.
 2. Gần đối với Xa.
 3. Không gián đoạn đối với Có gián đoạn.
 4. Không hồi hướng đối với Hồi hướng.
 5. Thuần đối với Tạp.

2. Sự được, mất giữa hai hạnh

- Được,
mất giữa hai hạnh** —
- Chánh hạnh được 5 điều:**
Thân, gần Phật A-di-đà,
không gián đoạn,
không cần hồi hướng,
thuần.
 - Tạp hạnh mất 5 điều:**
Sơ, xa Phật A-di-đà,
có gián đoạn,
cần phải hồi hướng,
tạp.

XI. Ba tầng tuyển chọn

Như thế, người tu năm chánh hạnh được thân duyên, cận duyên với Phật A-di-đà, vô gián, không cần hồi hướng riêng, thuần hạnh Cực Lạc; còn người tu tạp hạnh, những hạnh liên quan đến chư Phật, Bồ-tát, trời, người ngoài Phật A-di-đà, thì xa lạ, xa cách với Phật A-di-đà, có gián đoạn, cần phải hồi hướng, không thuần. So sánh giữa việc tu năm loại chánh hạnh và năm loại tạp hạnh, có năm cặp đối chiếu này. Vì thế, cần phải bỏ tạp hạnh, chọn tu chánh hạnh, đó là ý ‘Tự hạnh lập tín’ của Đại sư Thiện Đạo.

(*Huệ Tĩnh pháp sư giảng diễn-tập 2*,
tr. 401-402)

XI. Ba tầng tuyển chọn

Pháp Nhiên thượng nhân, một vị cao tăng người Nhật, riêng chỉ tôn kính Đại sư Thiện Đạo, thượng nhân đem tư tưởng của Đại sư, khéo dùng 4 bài kệ ngũ ngôn tứ tuyệt làm rõ nghĩa một cách trọn vẹn. Bốn bài kệ này bao hàm ý nghĩa ‘ba tầng tuyển chọn’, người đời sau gọi là ‘Tam tuyển văn’. Bốn chữ ‘Các, phao, bàng, chuyên’ được nêu lên

trong bài ‘Tam tuyền văn’ có thể gọi là ‘khẩu quyết của tông Tịnh Độ’. Bài văn như sau:

**Dục tốc ly sanh tử,
Nhị chủng thắng pháp trung,
Thả các Thánh Đạo môn,
Tuyền nhập Tịnh Độ môn.**

**Dục nhập Tịnh Độ môn,
Chánh tập nhị hạnh trung,
Thả phao chư tập hạnh,
Tuyền ứng qui chánh hạnh.**

**Dục tu ư chánh hạnh,
Chánh trợ nhị nghiệp trung,
Du bàng ư trợ nghiệp,
Tuyền ứng chuyên chánh định.**

**Chánh định chi nghiệp giả,
Tức thị xưng Phật danh,
Xưng danh tất đắc sanh,
Y Phật bản nguyện cố.**

XI. Ba tầng tuyển chọn

Nghĩa là:

*Muốn mau lìa sanh tử,
Trong hai pháp môn Phật,
Tạm gác Thánh Đạo môn,
Chọn vào Tịnh Độ môn.*

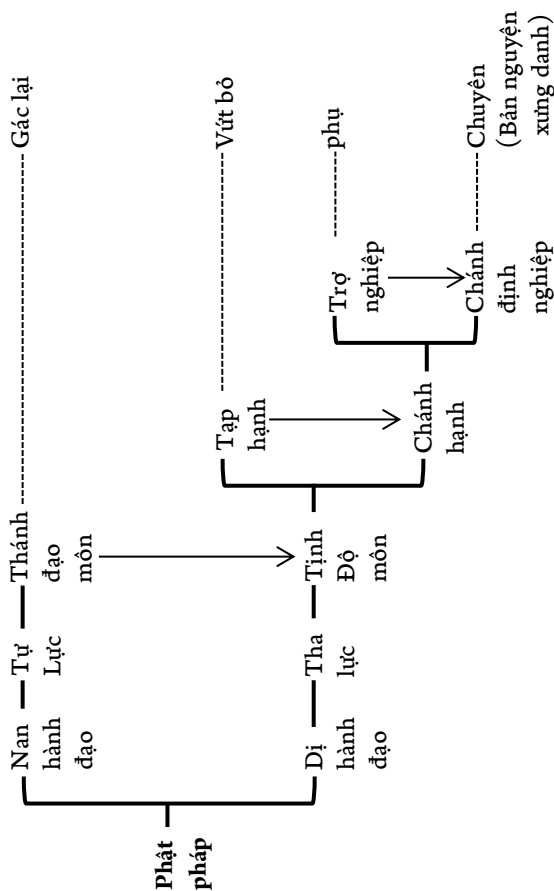
*Muốn vào Tịnh Độ môn,
Trong hai hạnh chánh tạp,
Tạm bỏ các tạp hạnh,
Chọn quay về chánh hạnh.*

*Muốn tu nơi chánh hạnh,
Trong hai nghiệp chánh trợ,
Trợ nghiệp để sang bên,
Chọn chuyên chánh định nghiệp.*

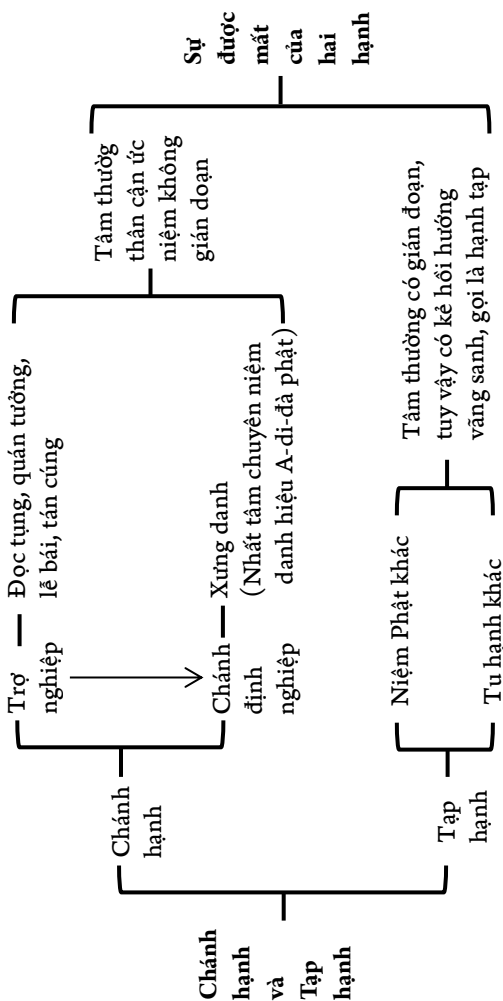
*Người tu chánh định nghiệp,
Tức là xưng danh Phật,
Xưng danh ắt vãng sanh,
Vì nương bản nguyện Phật.*

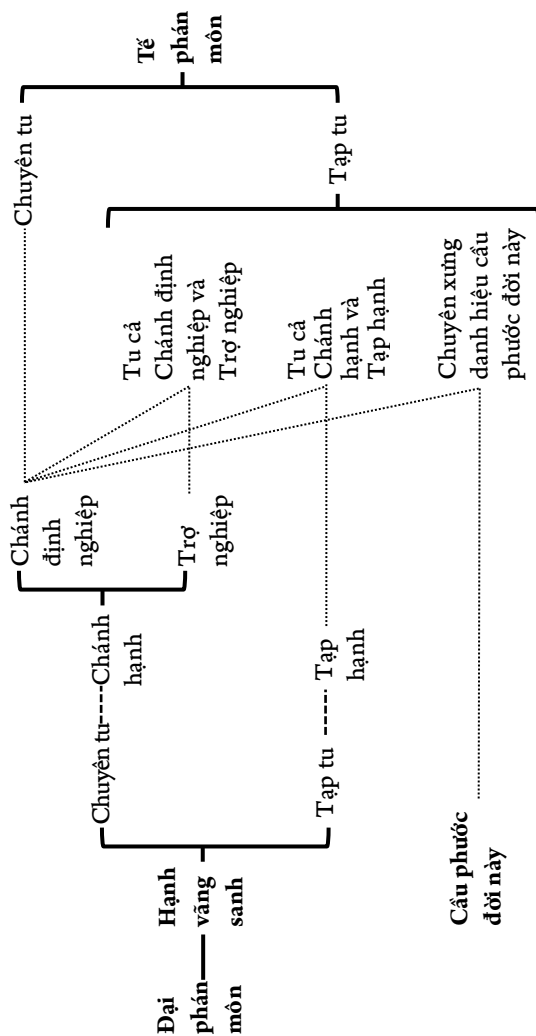
Bài văn trên nói rõ ý nghĩa của ba tầng tuyển chọn, tức là trong ‘Hai môn, hai hạnh, hai nghiệp’, ‘gác Thánh Đạo, chọn Tịnh Độ; bỏ tạp hạnh, chọn chánh hạnh;

bỏ trợ nghiệp, chọn chánh nghiệp’, nói gọn lại là ‘chọn *Tịnh Độ*, chọn *chánh hạnh*, chọn *chánh nghiệp*’.



XI. Ba tầng tuyến chọn

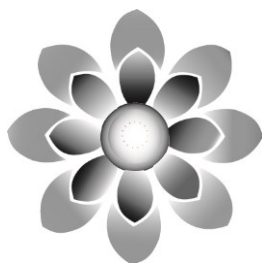




(Huệ Tĩnh pháp sư giảng diễn - tập 2, tr 403-405)

Phần III.

Tam tâm gồm thâu về thâm tâm



I. Tam tâm gồm thấu về thâm tâm

Kinh Quán Vô Lượng Thọ có nói đến tam tâm, đó là chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm. Đây dường như có tam tâm, mỗi tâm mỗi khác, nhưng tam tâm này thấy đều gồm thấu vào trong thâm tâm, khi nói thâm tâm là đã đầy đủ tam tâm rồi.

(“Đại ý kinh Quán Vô Lượng Thọ”
trong *Tịnh Độ tam kinh nhất luận đại ý*, tr. 103-104)

II. Chí thành tâm–tâm bên trong và hạnh bên ngoài phải thống nhất nhau

Đầu tiên nói về ‘chí thành tâm’, Đại sư Thiện Đạo nói: “Chí là chân, thành là thật”, cho nên chí thành tâm là tâm chân thật.

Sao gọi là tâm chân thật? Nghĩa là nói trong tâm của chúng ta chân thật tin nhận sự cứu độ của

II. Chí thành tâm–tâm bên trong và hạnh bên ngoài phải thống nhất nhau

Phật A-di-đà; miệng chúng ta xưng niệm một câu danh hiệu Phật, cũng là xuất phát từ nội tâm chân thật mà xưng danh, chẳng phải thể hiện bên ngoài để cho người khác xem. Nếu bề ngoài ra vẻ cho người khác biết ta đang niệm Phật, ta đang tin Phật, ta muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc, mà trong lòng ta không thực sự tin Phật A-di-đà, không muốn cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, vậy thì chẳng phải chân thật.

Vì thế, tin Phật, niệm Phật, tin tưởng có Cực Lạc, có Phật A-di-đà, tất cả niềm tin này đều phát xuất từ nội tâm, nội ngoại nhất trí như thế thì mới là chân thật.

(“Đại ý kinh Quán Vô Lượng Thọ”..
trong *Tịnh Độ tam kinh nhất luận đại ý*, tr. 104-105)

III. Thâm tâm–tâm tin tưởng sâu sắc

Đại sư Thiện Đạo giải thích ‘thâm tâm’ là tâm tin sâu.

1. Thâm tín về cơ và pháp

Thâm tín cái gì?

Thứ nhất là tín cơ: Tin chắc một điều rằng mình là phàm phu tội ác sâu nặng, có tâm tu hành, nhưng không đủ lực tu hành, chẳng những đời này kiếp này không đủ sức giải thoát, mà đến tận cùng những đời vị lai cũng không thể nào giải thoát, chẳng có duyên xuất ly sanh tử. Chúng ta là hạng chúng sanh như thế, mỗi khi nghĩ đến thì quả thật là muốn nằm xuống đất mà gào to khóc lớn. Bởi vì không có duyên xuất ly, nếu không có duyên xuất ly thì có phải đời đời kiếp kiếp chúng ta đều phải chịu luân hồi mãi trong thế giới Ta-bà này?

Thân người khó được, há chẳng phải một phen mất thân người rồi thì muôn kiếp nghìn đời

đều rơi vào ba đường ác sao? Khi nghĩ đến điều này, nỗi sợ hãi khôn tả ấy xâm nhập vào lòng chúng ta, chắc chắn như thế! Phải tin sâu điều này, đó là tin sâu chúng ta là phạm phu tội ác trong sanh tử. (Đại sư Thiện Đạo nói đến tin sâu ‘cơ’, chữ ‘cơ’ trong danh từ tôn giáo tức là chỉ cho căn tánh, căn cơ của chúng ta).

Thứ nhì là thâm tín pháp. Pháp chính là sự cứu độ của Phật A-di-đà, trong nguyện thứ 18, Đức Phật A-di-đà có nói: “Những ai xưng niệm danh hiệu của Tôi cho đến mười niệm, chắc chắn Tôi đều khiến họ vãng sanh thế giới Cực Lạc; những ai xưng danh hiệu Tôi mà không thể vãng sanh, thì Tôi sẽ không thành Phật”. Nương tựa vào bản nguyện của Phật A-di-đà, chắc chắn có thể vãng sanh, đây chính là thâm tín pháp.

2. Hai thứ thâm tín gom vào nhất hướng chuyên niệm

Đoạn trước nói về thâm tín ‘cơ’. Cơ là nói phạm phu tội ác sâu nặng trong sanh tử, không có duyên xuất ly, các chúng sanh này có thể là chúng

sanh ngũ nghịch, thập ác, báng pháp, phạm bốn giới trọng, xiển-đề. Nếu không phải hạng chúng sanh này, thì có duyên xuất ly. Còn những hạng chúng sanh không thể xuất ly như ngũ nghịch, thập ác, báng pháp, phạm bốn giới trọng, xiển-đề, thì bất kể họ đối với bản nguyện của Phật A-di-đà hiểu sâu hay hiểu cạn, chỉ cần họ xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, thì chắc chắn có thể vãng sanh. Đây gọi là thâm tín cơ và pháp.

Với những điều vừa nói, và việc Phật Thích-ca-mâu-ni phó chúc A-nan tôn giả lưu thông ‘trì danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ’, cùng với những điều mà Đại sư Thiện Đạo giải thích về ‘nhất hướng chuyên xưng danh hiệu Phật A-di-đà’ tất cả đều không nói đến việc chúng sinh tin hay không tin, mà chỉ nói ‘nhất hướng chuyên xưng danh hiệu Phật A-di-đà’, đâu có nói là bạn tin hay nghi; tin có sâu cạn, nghi cũng có nhiều loại, nhưng đã xưng danh rồi thì đều không màng đến tất cả những điều này nữa, bạn chỉ cần xưng danh, chắc chắn được vãng sanh. Há chẳng phải niềm tin đã bao gồm ở trong đó rồi sao? Vì thế, qui kết của *kinh Quán Vô Lượng Thọ* là ở chỗ ‘nhất hướng

chuyên xưng danh hiệu Phật A-di-đà’, đây chính là đại ý của *kinh Quán Vô Lượng Thọ*.

(“Đại ý kinh Quán Vô Lượng Thọ”
trong *Tịnh Độ tam kinh nhất luận đại ý*, tr. 105-107)

IV. Hồi hướng phát nguyện tâm – tâm tự nhiên về nhà

‘Hồi hướng phát nguyện tâm’, nói đơn giản chính là tâm chán ghét, muốn xa lìa cõi Ta-bà, ưa muốn sanh về Cực Lạc, cũng là nói, không còn lưu luyến cõi Ta-bà, thậm chí còn chán ghét nữa, bởi vì ở đây khiến chúng ta tạo tội tạo nghiệp, chịu khổ chịu nạn, chúng ta còn có thể thích nó hay sao? Đức Phật Thích-ca-mâu-ni từng dạy rằng, thế giới Ta-bà này chính là nhà lửa tam giới, nhà đang bị lửa đốt, chúng ta làm sao có thể thích được? Vì thế mà ngán ngấm cõi Ta-bà. Thế giới Cực Lạc trang nghiêm, thù thắng, thanh tịnh, an lạc như thế, chúng ta sao lại không thích về đó chứ?

Hướng hồ thế giới Cực Lạc là do Đức Phật A-di-đà vì chúng ta mà kiến lập nên, là nhà của chúng ta, chủ hộ là chúng ta, mỗi người chúng ta đều là chủ hộ của thế giới Cực Lạc. Về đến nhà mình rồi, thì tự nhiên thoải mái vô cùng; hôm nay đi làm, hễ đến giờ tan ca thì tự nhiên về nhà mình, ‘hồi hướng phát nguyện tâm’ chính là như thế đấy. Ở thế giới Ta-bà, chúng ta đã làm những việc bất kể là thiện, là ác, hay bất kỳ công đức nào cũng không cho rằng nó có thể khiến mình tái sinh làm người, hoặc sinh lên thiên đường, mà thấy đều hồi hướng phát nguyện, nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

Ba tâm này đều gồm thâm trong thâm tâm, biết rằng chúng sanh không thể thoát ra khỏi lục đạo này, nhưng chỉ cần xưng danh niệm Phật, chắc chắn vãng sanh thế giới Cực Lạc, thấy đều nằm ngay trong một niệm tín tâm này.

(“Đại ý kinh Quán Vô Lượng Thọ”
trong *Tịnh Độ tam kinh nhất luận đại ý*, tr. 105-107)

V. Công năng của danh hiệu, phá nghi mãn nguyện

Trong *Vãng sanh luận chú*, còn một chỗ mấu chốt nữa, đó là trong quyển hạ phần mở đầu *Tán thán môn* có nêu lên hiện tượng tu hành, là như thật tu hành và không như thật tu hành.

Danh hiệu Vô Ngại Quang Như Lai, có thể phá trừ tất cả vô minh của chúng sanh, có thể viên mãn tất cả chí nguyện của chúng sanh. Nhưng có người xưng danh ức niệm, mà vô minh vẫn còn, chưa hề mãn nguyện được, vì sao? Do vì không như thật tu hành, không tương ứng với danh nghĩa. Vì sao nói là không như thật tu hành, không tương ứng với danh nghĩa? Nghĩa là không biết Như Lai là ‘thân thật tướng’, là ‘thân vì chúng sanh’.

Lại có ba điều không tương ứng, một là “vì tín tâm không thuần, lúc còn lúc mất”; hai là “vì tín tâm không chuyên nhất, không quyết định”; ba là “vì tín tâm không tương tục, bị những niệm khác làm gián đoạn”.

Khi nói pháp môn Tịnh Độ là ‘Phi tu bất tu’, thì chẳng phải đề cập đến việc tu hành, mà nói về việc xưng danh. ‘Xưng danh’ so với các việc tu hành thông thường, vừa dễ dàng lại vừa siêu việt.

Tổ sư Đàm Loan nói: Một câu danh hiệu ‘Nam-mô A-di-đà Phật’, có thể phá trừ vô minh của chúng ta, có thể thỏa mãn ý nguyện của chúng ta, nhưng lại có hạng người, đã và đang xưng niệm ‘Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô A-di-đà Phật’, nhưng vô minh hoàn toàn không thể phá trừ, ý nguyện của họ cũng không thành là do nguyên nhân gì? Sau đây, ngài sẽ giải thích rõ. Trước hết, chúng ta hãy giải thích về vô minh và mãn nguyện.

Vô minh có 2 loại: Một là ‘Si vô minh’, hai là ‘Nghị vô minh’. ‘Si vô minh’ chính là các loại phiền não tham, sân, si,... tất cả các vô minh đều

bao gồm trong Si vô minh. Loại thứ hai, ‘nghi vô minh’, là chỉ cho việc nghi ngờ sự cứu độ của Phật A-di-đà. Nói chung là tất cả vô minh của tham, sân, si; nói riêng chính là Nghi vô minh.

Thế thì, chỉ cần dẹp bỏ cái nghi vô minh, là sự nghi ngờ đối với Phật A-di-đà, chỉ cần chúng ta tin nhận sự cứu độ của Đức Phật A-di-đà thì dầu cho tham, sân, si vô minh vẫn còn tồn tại, cũng không trở ngại gì. Bởi vì khi vãng sanh về thế giới Cực Lạc, thì ba độc tham, sân, si phiền não chắc chắn được đoạn trừ.

Một câu danh hiệu A-di-đà Phật có thể diệt trừ vô minh của chúng ta, trước tiên là dẹp trừ nghi vô minh. Một khi nghi vô minh được phá trừ, thì lúc đó phiền não tham, sân, si chắc chắn sẽ được phá trừ. Vì thế, trước tiên phải dẹp trừ vô minh, mà chủ yếu chính là dẹp được nghi vô minh.

Đối với pháp môn Tịnh Độ, tính nghiêm trọng của vô minh không phải là ở tham, sân, si mà là ở sự nghi ngờ. Bởi vì chúng ta nghi ngờ sự cứu độ của Đức Phật A-di-đà, nên chúng ta phải ở

mãi trong tam giới lục đạo tạo tội, tạo nghiệp, thọ khổ báo. Bị luân hồi rồi, nếu được làm người, thì sẽ lại tạo mười nghiệp ác, lại phải sống tranh giành, cá lớn nuốt cá bé. Như thế, chẳng phải tội nghiệp của ‘nghi vô minh’, tội nghi ngờ Phật A-di-đà còn nặng hơn tội giết người, phóng hỏa, ngũ nghịch, báng pháp hay sao? Vì thế, hoài nghi sự cứu độ của Phật A-di-đà, hoài nghi trí Phật, không tin sự cứu độ, tội nghiệp này nặng hơn tội giết người, phóng hỏa. Bởi nghi ngờ nên không thể vãng sanh, phải tiếp tục chịu luân hồi; luân hồi thì có nguy cơ sẽ tạo nghiệp thập ác, ngũ nghịch, báng pháp, bất cứ tội gì cũng có thể tạo tác. ‘Nghi’ nghĩa là nghi ngờ sự cứu độ của Phật A-di-đà, đó là tội lớn nhất trong tất cả các tội.

‘Mãn nguyện’, nguyện có nguyện ‘chung’ và nguyện ‘riêng’. ‘Chung’ là nói về những nguyện vọng trong đời sống con người, muốn cái này, muốn cái kia; hy vọng thế này, đòi hỏi thế nọ, nguyện vọng rất nhiều. ‘Riêng’ là nói về nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc, là ‘nguyện’ về việc vãng sanh.

Con người tuy có nhiều ý nguyện khác nhau, nhưng chỉ cần thỏa mãn được điều nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc, thì các nguyện khác cũng sẽ thành tựu. Bởi vì, chỉ sợ không thành Phật, chẳng lo thành Phật rồi mà không thể mãn nguyện. Nếu thành Phật rồi, thì có trí huệ, có thần thông, có thể tự tại như ý, thiên biến vạn hóa, chúng sanh đáng dùng thân gì để cứu độ, thì liền có thể hiện thân đó mà vì họ thuyết pháp. Vì thế, muốn được mãn nguyện thì trước hết phải viên mãn nguyện vãng sanh. Nguyện vãng sanh là căn bản của tất cả các nguyện, chỉ cần nguyện này được viên mãn thì tất cả những nguyện khác đều có thể thành tựu.

VI. Vì sao xưng danh không được mãn nguyện

Một câu ‘Nam-mô A-di-đà Phật’, có thể phá trừ vô minh của chúng ta, có thể thỏa mãn ý nguyện của chúng ta, nhưng vẫn có những người xưng danh, mà chưa dẹp trừ được vô minh, ý nguyện của họ vẫn chưa thành, rốt cục là nguyên nhân gì ?

1. Không như thật xưng danh

Đại sư Đàm Loan giải thích một cách ngắn gọn, chúng ta tuy cũng xưng danh, nhưng chưa phải *như thật xưng danh*, nghĩa là nếu còn có một tí tâm nghi ngờ thì không phải là như thật xưng danh. Nếu đầy đủ tín tâm thì đó là như thật xưng danh.

2. Nhị bất tri (hai điều không biết)

Một câu danh hiệu Phật có thể diệt trừ tâm nghi ngờ của chúng ta, khiến chúng ta phát khởi

niềm tin; một khi niềm tin phát khởi thì việc mong muốn vãng sanh sẽ đạt được. Nhưng tại sao lại khó có thể dẹp trừ được sự nghi này, khiến chúng ta khó phát khởi niềm tin? Do vì chúng ta không biết thân của Phật A-di-đà là thân thật tướng, thân vì chúng sinh; vì chúng ta không biết nguyên lý, đầu đuôi ngọn ngành và nguồn gốc sanh khởi của câu danh hiệu này. Nếu như chúng ta biết được thì cái ‘nghi’ này sẽ được giải trừ, chúng ta sẽ có được niềm tin.

Thân thật tướng là gì? Thân vì chúng sanh là gì?

Thân thật tướng là Báo thân của Phật A-di-đà, là thân thành Phật. Trong nguyện thứ 18, Phật A-di-đà có nói: “Giả sử Tôi thành Phật, chúng sanh trong mười phương xưng danh hiệu Tôi mà không vãng sanh thì Tôi sẽ không thành Chánh giác”. Thân thật tướng là thân tự lợi đã thành Phật của Phật A-di-đà. Tự thân Ngài đã thành Phật rồi, gọi là thân thật tướng. Nếu như chưa thành Phật, Ngài vẫn còn là Bồ-tát, đã là Bồ-tát thì chúng ta không thể mãn nguyện đoạn nghi được. Nhưng Ngài đã thành Phật, thì chúng ta sẽ được toại

nguyện vãng sanh. Vì sao? Vì tư lương vãng sanh, công đức vãng sanh, nơi chốn vãng sanh đều đã có ở trong câu danh hiệu Phật rồi. Vì thế, một mai Ngài thành Phật rồi (tức là thân thật tướng), thì danh hiệu sẽ xuất hiện, danh hiệu đó chính là niềm tin của chúng ta. Danh hiệu được hiển hiện thì sự nghi ngờ của chúng ta được giải trừ. Vì thế, thân thật tướng là thân tự lợi của Phật A-di-đà. ‘Nếu Tôi thành Phật’ cũng chính là một dạng Chánh giác của bậc đã thành Chánh giác.

Thân vì chúng sanh là thân cứu độ chúng sanh, là thân lợi tha. Sự tồn tại của Đức Phật A-di-đà là vì cứu độ chúng sanh trong mười phương, nếu không thể cứu độ chúng sanh thì Ngài căn bản không thể thành Phật được; mà Ngài đã thành Phật rồi, thì hiển nhiên có thể cứu độ chúng sanh trong mười phương.

Do chúng ta không hiểu rõ Phật A-di-đà đã là một vị Phật thân thật tướng, Phật thân vì chúng sanh, do đó tâm nghi ngờ của chúng ta không thể giải trừ, đây là đứng về góc độ Phật mà nói; còn

đứng về góc độ chính bản thân mình mà nói, thì do vì ‘hai điều không biết’.

Không biết về thân thật tướng, và không biết về thân vì chúng sanh, đây gọi là ‘Nhị bất tri’.

3. Tam bất tín

Vì ‘Nhị bất tri’ mà dẫn đến ‘Tam bất tín’. ‘Tam bất tín’ nghĩa là ba điều không tin, đó là: thứ nhất, tín tâm không thuần, lúc còn lúc mất; thứ nhì, tín tâm không chuyên nhất, không chắc chắn; thứ ba, tín tâm không tương tục, bị những niệm khác làm gián đoạn.

Thứ nhất, tín tâm không thuần: Chúng ta không biết Phật A-di-đà đã thành Phật, là trở thành Phật mang thân thật tướng, thân vì chúng sanh. Đã không biết, thì ‘tín’ trong tâm chúng ta cũng sẽ không thuần. Không thuần thì không giống như niềm tin lúc ban đầu vốn có, lúc còn lúc mất, nghĩa là khi thì cảm thấy cầm chắc trong tay, khi thì chẳng dám chắc chắn.

‘Thuần’, theo sự giải thích thông thường, giống như một khúc gỗ, nguyên sơ từ trong rừng chuyển về, chưa qua chạm trổ, chưa qua tô vẽ sắc màu, đây gọi là thuần. Cũng giống như bi nguyên của Phật A-di-đà (thân thật tướng) cứu độ chúng sanh (thân vì chúng sanh), được tiếp nhận vào trong tâm chúng ta một cách nguyên sơ, không thêm vào bất kỳ sự tính toán, sự kiến giải, sự toan tính đo lường nào của mình, thì tín tâm này là thuần rồi. Do đó, nói tín tâm thuần thì sẽ mãi mãi giải trừ được sự nghi ngờ. Tín tâm không thuần, thì vẫn còn nghi.

Thứ nhì, tín tâm không chuyên nhất: Phật A-di-đà cứu độ chúng ta là như thế (nguyên sơ), nhưng chúng ta lại không nghĩ như thế, mà chúng ta lại cho rằng, mình phải thế này, mình phải thế kia thì mới được cứu độ; hoặc lại nghĩ: “Tuy rằng có thế giới Cực Lạc và có Phật A-di-đà, nhưng chúng ta muốn vãng sanh, lẽ nào lại dễ dàng như thế chứ? Chúng ta phải tích lũy cái này một ít, cái kia một ít, hoặc phải tu cái này, tu cái kia, mới có thể vãng sanh”. Người có ý niệm như vậy là không chuyên nhất. Vì không chuyên nhất, nên tâm này

cứ dao động mãi, phải thế này, phải thế kia, không quyết định chắc chắn. Bởi lẽ cứ ở đó hoặc thế này, hoặc thế kia, thêm cái này, thêm cái nọ, rất nhiều thứ, chẳng có thứ nào chắc chắn cả, nên gọi là ‘tín tâm không chuyên nhất’.

Thứ ba, tín tâm không tương tục: Vì tín tâm không chuyên nhất, không thể giữ mãi một mực, nên không thể tương tục. Khi phiền não đến, thì cảm thấy việc vãng sanh không cầm chắc trong tay; hoặc là nghe người ta nói pháp môn khác rất thù thắng, thì liền chuyển qua tu theo pháp môn khác. Vì không thể tin nhận sự cứu độ của Đức Phật A-di-đà, nên không thể xưng niệm danh hiệu, liên tục vĩnh hằng bất biến.

(“Đại ý Vãng sanh luận chú”
trong *Tịnh Độ tam kinh nhất luận đại ý*, tr. 207-212)

VII. Tín tâm và xưng danh thống nhất với nhau

Từ ‘nhị bất tri’ mà dẫn đến ‘tam bất tín’. Nếu như có ‘nhị tri’ thì có ‘tam tín’. ‘Tam tín’ là đứng

trên ba góc độ để giải nói, thật ra ‘tam tín’ gói gọn trong tín tâm. Vì vậy, việc xưng danh niệm Phật thật sự đặt ngay nơi tín tâm này.

Bạn có niềm tin rồi, thì tự nhiên sẽ xưng danh, xưng danh như vậy chính là như thật tu hành, như thật xưng danh. Nếu không có niềm tin thì chẳng phải là như thật xưng danh. Nhưng những điều này đều đứng trên góc độ của chúng ta để nói, còn đối với bản thân Phật A-di-đà thì Ngài cứu độ hết thấy chúng sanh trong mười phương, bất kể bạn biết hay không biết, tin hoặc chẳng tin, Ngài đều muốn cứu độ cả. Chỉ e là vì không biết, không tin, mà bạn bỏ chạy ra thật xa; nếu bạn không bỏ chạy, mãi mãi ở ngay đó, nghĩa là bạn luôn xưng niệm một câu danh hiệu Phật, mãi mãi không thay đổi thì vẫn được vãng sanh như thường. Bởi vì bất tri bất giác niềm tin đã có ở trong câu danh hiệu rồi. Bất tri bất giác câu danh hiệu này đã tự nhiên vận hành ở ngay nơi đó rồi.

Vì thế, Tổ sư Đàm Loan một mặt nói: “Người nguyện vãng sanh, sẽ được vãng sanh”. Một mặt lại nói: “Phải có tam tín mới có thể như thật tu

hành”. Thế chẳng phải mâu thuẫn với nhau hay sao? Thật ra chẳng mâu thuẫn gì cả. Những người mà suốt đời giữ mãi tâm nguyện vãng sanh, những người mà suốt đời luôn giữ mãi việc xưng danh niệm Phật, thì niềm tin tự nhiên đã có ở ngay trong đó rồi. Nếu không thì họ làm sao có thể được như thế? Họ có thể được như thế, cũng là do thiện căn đời trước của họ. Đồng thời, bất tri bất giác niềm tin đã ở ngay trong đó rồi.

PHẦN PHỤ

A decorative horizontal flourish with symmetrical, swirling, leaf-like patterns extending from the base of the text.

Mười điều tâm niệm của người niệm Phật

1. Cung kính tín thuận Di-đà; quan tâm yêu thương giúp đỡ người khác; đối với bản thân thì khiêm hạ, nhu hòa.
2. Giữ luân thường đạo lý, hết lòng làm tròn bổn phận, bỏ việc tà vạy, giữ lòng chân thành; phụng sự việc công, tuân thủ pháp luật, làm người dân lương thiện.
3. Tự biết mình là kẻ ngu si, tội ác hơn người khác; không có một chút tư cách để đánh giá người khác.

Chẳng nói thị phi, chẳng nghe thị phi, chẳng truyền đạt thị phi, chẳng so sánh thị phi.

Chẳng tìm lỗi người, chẳng nói lỗi người, chẳng kể việc riêng tư của người, chẳng tranh nhân ngã.

Chẳng trái nhân quả, chẳng ôm lòng oán hận, chẳng có tâm giả dối, dua nịnh.

4. Kính yêu hòa thuận với lục thân quyến thuộc, tôn sùng đức hạnh, phát tâm nhân từ, thích tu kính nhường.

Về mặt hiền hòa, lời nói dịu dàng, vui vẻ mỉm cười, thương tưởng chúng sanh, ân cần với người.

Khiêm hạ cung kính, chẳng khởi tâm kiêu mạn, thường thấy hổ thẹn, muốn báo đáp ân Phật.

5. Giúp người an tâm, giúp người vui vẻ, giúp người hy vọng, giúp người lợi ích.

Xử sự với lòng chân thật, với lòng yêu thương, với lòng biết ơn, với lòng cung kính.

Xử sự phải nắm lấy nguyên tắc căn bản, đồng thời phải khéo biết chừng mực.

Xử sự đứng trên lập trường của đối phương để dễ thông cảm tha thứ.

Xử sự phải tự mình cam chịu thiệt thòi, không so đo tính toán.

6. Học tâm đại bi của Phật, Phật A-di-đà đối với ta như thế nào thì ta đối với người khác cũng như thế ấy.

7. Sinh hoạt phải giản đơn, chân chất thật thà.

Nói năng phải thành khẩn, hòa nhã.

Oai nghi phải khoan thai, không vội vàng hấp tấp.

8. Chối tội, cướp công là hành vi của kẻ tiểu nhân; giấu tội, khoe công cũng là việc bình thường của mọi người.

Nhường điều tốt đẹp, công lao cho người là hạnh của người quân tử.

Chia sẻ điều xấu của người, cùng gánh lấy lỗi lầm với người dù mình không phạm để cho người giảm bớt áp lực là điều mà người có đức hạnh sâu dày phải làm.

9. Quy luật vận hành của trời đất (luật nhân quả), kẻ kiêu mạn tự mãn thì bị tổn phước, người khiêm tốn thì được giúp cho càng đầy đủ.

Trời đất, quỷ thần và mọi người đều ghét kẻ kiêu ngạo tự mãn thì kẻ ấy làm sao không bị tai họa? Người khiêm hạ tích đức được trời đất, quỷ thần và mọi người ủng hộ thì làm sao mà không phát đạt và hưởng được nhiều phước?

10. Người ở địa vị thấp hèn muốn hiển đạt, trước tiên phải làm cho người khác cảm nhận rằng người ấy có đức khiêm hạ. Vì người ấy có đức khiêm hạ, mới có thể nhận lãnh những lời dạy hay, cho nên người ấy được lợi ích vô cùng.

(Pháp sư Huệ Tịnh soạn)

SÁCH TÙY THÂN – HỆ GIÁO NGHĨA

MÃ SÁCH 編 號	TÊN SÁCH 書 名
BT01	TÔNG CHỈ TÔNG TỊNH ĐỘ 淨土宗宗旨
BT02	MỤC ĐÍCH CỦA ĐỜI NGƯỜI 人生之目的
BT03	TIẾNG GỌI CỦA ĐỨC PHẬT A-DI-ĐÀ 彌陀的呼喚
BT04	NIỆM PHẬT CHẮC CHẮN VẮNG SANH 念佛必定往生
BT05	NIỆM PHẬT MỘT MÔN THÂM NHẬP 念佛一門深入
BT06	NGHI THỨC NIỆM PHẬT SIÊU ĐỘ 念佛超薦儀軌

